

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ SÔNG CẦU  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Long

2. Ông Nguyễn Ngọc Chấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tuyết, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn S, xã Xuân T, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Quang T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn M, xã Xuân T, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim S (chị S) trình bày:* Chị và anh Lê Quang T (anh T) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân T ngày

10/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng cha mẹ chồng, sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong khoảng thời gian chị sinh con, chị về sống cùng cha mẹ ruột, anh T chỉ tới thăm con một lần, sau đó không thăm con nữa, cũng không gửi tiền để nuôi con. Gần hết thời gian chị ở cử, chuẩn bị về lại nhà cha mẹ chồng thì anh T không đón chị mà nói chị tự về, còn thường xuyên gọi chửi chị nên chị và anh T đã sống ly thân, chị và con sống tại nhà cha mẹ chị, còn anh T sống tại nhà cha mẹ anh T; từ khi ly thân đến nay, vợ chồng bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị không còn thương anh T, không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh T nên yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung, tên Lê Phương L – sinh ngày 24/11/2019. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

*Quá trình tố tụng tại Tòa, bị đơn anh Lê Quang T trình bày:* Anh và chị S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân T ngày 10/7/2019 đúng như lời trình bày của chị S. Nay chị S có yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý. Lý do, anh vẫn còn thương vợ, muốn tiếp tục xây dựng cuộc sống vợ chồng, cùng nuôi dạy con cái. Trong thời gian vợ sinh con và sống tại nhà cha mẹ vợ, anh có tới thăm vợ 01 lần nhưng vợ chồng gặp nhau lại cãi vã, anh bị các anh trai phía vợ đánh và chị S không cho anh tới thăm nữa nên anh không tới.

- Về con chung: Có 01 con chung, tên Lê Phương L – sinh ngày 24/11/2019. Nếu tòa giải quyết cho ly hôn, anh không chấp nhận yêu cầu của chị S yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Nếu chị S không nuôi con được thì giao con cho anh T nuôi, anh T không yêu cầu chị S cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn chị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn anh T; yêu cầu được nuôi con và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng đề nghị Tòa xem xét.

Bị đơn anh T đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị S nuôi dưỡng, chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của

người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị S, anh T. Về con chung, giao con chung Lê Phương L – sinh ngày 24/11/2019 cho chị S nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Chị S, anh T chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Xuân T, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị S, anh T có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân T ngày 10/7/2019 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị S và anh T đều xác nhận anh chị đã sống ly thân từ thời điểm chị S hết thời gian ở cử; trong thời gian sống ly thân, chị S và anh T bỏ mặc nhau, không quan tâm, chăm sóc hỏi thăm nhau; từ thời điểm Tòa án mở phiên hòa giải đến nay, chị S và anh T không cải thiện được tình cảm vợ chồng, chị S và anh T đều có cuộc sống riêng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị S, anh T không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận sự thuận tình ly hôn của chị S và anh T.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung, tên Lê Phương L – sinh ngày 24/11/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do chị S nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị S. Xét anh T nghề nghiệp làm thuê, thu nhập không ổn định nên buộc anh T cấp dưỡng  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở = 750.000 đồng ( $\frac{1}{2}$  1.490.000đ)/tháng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị S và anh T xác định không có nợ chung; tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim S và anh Lê Quang T.

2. Về con chung: Có 01 con chung, tên Lê Phương L – sinh ngày 24/11/2019. Giao cháu Lê Phương L – sinh ngày 24/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim S nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Quang T cấp dưỡng nuôi con chung 750.000đ/tháng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) kể từ tháng 01/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Lê Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0004868 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn anh Lê Quang T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Thọ 2 (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Phạm Thị Ngọc Tiên**

